

الجمهورية الجزائرية الديمقراطية الشعبية
République Algérienne Démocratique et Populaire

Ministère de l'Enseignement Supérieur
et de la Recherche Scientifique

Direction de la Coopération et des
Échanges Interuniversitaires

N° : 229 /D.C.E.I.U/ 2017

Alger, le 1 أفريل 2017

**Messieurs les Présidents
des Conférences Régionales Universitaires**

Objet/ : Offre de bourses d'études

P.J. : documentation et Formulaire de candidature .

J'ai l'honneur de vous informer que le Ministère de l'Enseignement Supérieur et de la Recherche Scientifique est destinataire d'une offre de six (06) bourses d'études au titre de l'année universitaire 2017-2018 émanant de l'Université maritime du Vietnam pour deux formations d'une durée de quatre ans dispensées en anglaise intitulées « Global Studies and maritimes affaires » et « international business logistics ».

Les conditions d'inscription et le formulaire à remplir par les candidats sont contenus dans la documentation jointe en annexe

Je vous saurais gré des dispositions que vous voudrez bien prendre pour une large diffusion de cette offre, et vous prie de nous faire parvenir, les dossiers de candidature avant le **01 Aout 2017**, en vue de les faire parvenir dans les temps requis aux instances concernées.

Considération distinguée

عن الوزير والمختصين منه
التعاون والتكامل مع
الجامعات
المعتمدة: سعيدي بن
الرشدي



APPENDIX I

Dán ảnh cỡ 4x6

Attach your
photo size 4x6

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM**

**APPLICATION FORM
FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM**

*Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng.
Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes.*

*Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day..... tháng/month năm/year.....	
3	Giới tính/Gender:	☐ Nam/Male	☐ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City..... Nước/Country.....	
5	Quốc tịch/Nationality:		
6	Nghề nghiệp/Occupation:		
7	Tôn giáo/Religion:		
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	☐ Độc thân/Single ☐ Đã kết hôn/Married ☐ Ly đi/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:		
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:		
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:		
13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:		
	Họ tên/Full name		Quan hệ/Relationship
	Địa chỉ nơi ở/Residential address		Nơi làm việc/Place of work
	Điện thoại/Phone number		Email

18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: Trình độ/Level: Trình độ/Level:											
19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program: ☐ Tiểu học/Primary School ☐ Trung học cơ sở/Lower Secondary School ☐ Trung học phổ thông/Upper Secondary School ☐ Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School ☐ Cao đẳng/Associate ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/PhD ☐ Thực tập sinh/Research Fellowship ☐ Khóa học ngắn hạn/Short-term training course											
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research:											
21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ngày/day tháng/month năm/year. Đến/To: ngày/day tháng/month năm/year.											
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research:											
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: ☐ Tiếng Việt/Vietnamese ☐ Tiếng Anh/English ☐ Ngôn ngữ khác/Other language:											
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any): <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 33%;">Họ tên/Full name</th> <th style="width: 33%;">Quan hệ/Relationship</th> <th style="width: 33%;">Địa chỉ/Address</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1.</td> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>2.</td> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>			Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address	1.			2.		
Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address										
1.												
2.												
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: ☐ Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship ☐ Học bổng khác/Other Scholarship ☐ Tự túc kinh phí/Self-funding											
26	Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam. Ngày/Day tháng/month năm/year Ký tên/Applicant's signature:											

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
				
				
				
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:			
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:			
	Mô tả công việc/Job Description:			
	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
16	☐ Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency ☐ Biết tiếng Việt/Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:			
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:		 giờ/hours tháng/months năm/years	
	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:		☐ Không/No ☐ Có/Yes Trình độ/Level:	
	Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:		☐ THPT/High school ☐ Cao đẳng/College ☐ Đại học/Bachelor ☐ Thạc sĩ/Master ☐ Tiến sĩ/Doctor	
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency:			
	☐ Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency ☐ Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		☐ Sơ cấp/Elementary ☐ Trung cấp/Intermediate ☐ Cao cấp/Advanced	

Danh mục hồ sơ/Document Checklist

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.

- ☐ 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.
- ☐ 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.
Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
- ☐ 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- ☐ 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- ☐ 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- ☐ 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- ☐ 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- ☐ 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- ☐ 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.

APPENDIX II

VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

SCHOLARSHIP DETAILS



Tuition	Accommodation	VISA	TRAVEL EXPENSE TO SCHOOL
FULL SCHOLARSHIP Full exemption (\$3,000/year)	- Accommodation fee: Free of charge. Living conditions: dormitory full facilities for 2 - 4 people with air conditioner (Excluding blankets, sheets, pillows, cushions) - Cost of electricity: allowed to use 50KW/month/person. Besides, any extra usage should be paid by students. (*) - Cost of water: Free of charge (*) - Meals: Student pay by themselves (estimated around \$150/ month)	- Students prepare and pay for their visa application procedures in their host country. VMU will provide any necessary paperwork to support students (if required) - Renewal: Student visa 1 year + \$200 (for Visa extension in Hanoi) (*) + \$160 (for Visa extension in Hai Phong) (*) + Or students can self-renew.	Students pay by themselves
PARTIAL SCHOLARSHIP 70% Exemption of 70% tuition (\$2,100/year)	- Accommodation fee: Students pay by themselves. + Single room: 2,000,000 VND/month + 4-people room: 2,800,000 VND/month (Excluding blankets, sheets, pillows, cushions) - Cost of electricity: All the electricity consumed should be paid by students. - Cost of water: Free of charge (*) - Meals: Student pay by themselves (estimated around \$150/ month)	- Students prepare and pay for their visa application procedures in their host country. VMU will provide any necessary paperwork to support students (if required) - Renewal: Student visa 1 year + \$200 (for Visa extension in Hanoi) (*) + \$160 (for Visa extension in Hai Phong) (*) + Or students can self-renew.	Students pay by themselves



APPENDIX III

DOCUMENT CHECKLIST

Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.

1. Completed application form.
2. Copies and translation of high school degrees (or equivalent) and academic transcripts duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.
3. Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
4. Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
5. Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements,... (if any).
6. Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.
7. Copy of judicial record
8. 6 photos 4x6 (taken within 6 months before the date of application)

PARTIAL SCHOLARSHIP 50%	Exemption of 50% tuition (\$1,500/year)	- Accommodation fee: Students pay by themselves. + Single room: 2,000,000 VND/month + 4-people room: 2,800,000 VND/month (Excluding blankets, sheets, pillows, cushions) - Cost of electricity: All the electricity consumed should be paid by students. - Cost of water: Free of charge (*) - Meals: Student pay by themselves (estimated around \$150/ month)	- Students prepare and pay for their visa application procedures in their host country. VMU will provide any necessary paperwork to support students (if required) - Renewal: Student visa 1 year + \$200 (for Visa extension in Hanoi) (*) + \$160 (for Visa extension in Hai Phong) (*) + Or students can self-renew.	Students pay by themselves
PARTIAL SCHOLARSHIP 30%	Exemption of 30% tuition (\$900/year)	- Accommodation fee: Students pay by themselves. + Single room: 2,000,000 VND/month + 4-people room: 2,800,000 VND/month (Excluding blankets, sheets, pillows, cushions) - Cost of electricity: All the electricity consumed should be paid by students. - Cost of water: Free of charge (*) - Meals: Student pay by themselves (estimated around \$150/ month)	- Students prepare and pay for their visa application procedures in their host country. VMU will provide any necessary paperwork to support students (if required) - Renewal: Student visa 1 year + \$200 (for Visa extension in Hanoi) (*) + \$160 (for Visa extension in Hai Phong) (*) + Or students can self-renew.	Students pay by themselves

• **NOTES:**

1- OTHER EXPENSES

- Health insurance: from 3,000,000 VND/student/year
- Student's uniform: about 900,000 VND/student

2- DORMITORY

- Type of room: Single and 04-person room (with private bathroom)
- Equipment of room: Bed (bunk without mattress, cushion, blanket and pillow), air-conditional, hot water (in bathroom)

(*) *These costs might vary depending on the law of Vietnam and regulations of VMU.*